

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HS-ST
Ngày 24-3-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Ngát

Ông Cao Văn Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 07/2021/TLST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2022 ngày 04/3/2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Đức H, sinh ngày 06/02/1997 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức D1 và bà Mai Thị T1; có vợ là Trịnh Minh N2 (đã ly hôn) và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; ngày 17/11/2021 bị bắt theo Quyết định truy nã số 07/CSĐT ngày 10/11/2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an huyện K, bị tạm giữ từ ngày 18/11/2021 đến ngày 24/11/2021 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam - Công an thành phố Hải Phòng; có mặt.

Bị hại: Chị Đỗ Thị H1, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn 1, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Bùi Phú H2, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn 1, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 2000; nơi cư trú: Tổ dân phố B1, phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Sáng ngày 29/8/2021, Nguyễn Đức H đến quán sửa chữa điện thoại của anh Bùi Phú H2 ở thôn 1, xã T, huyện K để sửa chiếc điện thoại iPhone XS Max của chị Nguyễn Thị Ngọc L (là người yêu của H). H để lại chiếc điện thoại này ở quán và hỏi mượn anh H2 02 chiếc điện thoại (gồm 01 điện thoại iPhone 6S và 01 điện thoại iPhone 6) để sử dụng trong thời gian chờ sửa chữa, đồng thời H vay anh H2 1.500.000 đồng, anh H2 đồng ý. Lúc này, H cài đặt ứng dụng Internet Banking trên điện thoại iPhone 6S mượn của anh H2 và đăng nhập số tài khoản Ngân hàng của chị Nguyễn Thị Ngọc L là 0551000318854 để sử dụng. Khoảng 19 giờ cùng ngày, H gọi điện thoại cho anh H2 hỏi vay thêm 500.000 đồng, anh H2 đồng ý và sử dụng ứng dụng Internet Banking của vợ là Đỗ Thị H1, chuyển khoản vào số tài khoản 0551000318854 cho H. Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, trong khi H sử dụng chiếc điện thoại iPhone 6S mượn của anh H2, phát hiện tài khoản Facebook “Bùi H2” của anh H2 vẫn đang đăng nhập trên máy và đọc được các tin nhắn trên ứng dụng Messenger giữa anh H2 với tài khoản Facebook “Đỗ H1” của chị Đỗ Thị H1 là vợ anh H2, trong đó có nhiều nội dung anh H2 bảo chị H1 chuyển tiền cho khách hàng. H nảy sinh mục đích chiếm đoạt tiền của chị H1 và sử dụng tài khoản Facebook “Bùi H2” giả làm anh H2 nhắn tin cho chị H1 qua ứng dụng Messenger, với nội dung “Em chuyển vào đây 1.000.000 đồng cho khách, số tài khoản 107872960901 mang tên Nguyễn Văn Đạt”. Chị H1 tưởng thật đã chuyển số tiền 1.000.000 đồng theo nội dung H nhắn tin. Bằng thủ đoạn tương tự, H tiếp tục nhắn tin bảo chị H1 chuyển 2.000.000 đồng đến tài khoản 0551000318854 của Nguyễn Thị Ngọc L. Đối với 02 chiếc điện thoại mượn của anh H2; H đã bán điện thoại iPhone 6S cho anh Nguyễn Quang Tuấn ở tổ dân phố Đại Thắng, phường B, quận Đ được 1.000.000 đồng; cầm cố điện thoại iPhone 6 cho một người tên Đạt, không rõ nhân thân lai lịch được 800.000 đồng. Toàn bộ số tiền 2.000.000 đồng vay của anh H2, số tiền 3.000.000 đồng chiếm đoạt của chị Hương và số tiền 1.800.000 đồng do cầm cố, bán điện thoại của anh H2; H đã sử dụng vào việc chơi Game và chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 30/8/2021, anh Bùi Phú H2 gửi đơn trình báo sự việc đến Công an xã T và giao nộp chiếc điện thoại iPhone XS Max màu vàng của chị Nguyễn Thị Ngọc L. Quá trình điều tra, anh H2 tiếp tục giao nộp chiếc điện thoại iPhone 7 Plus màu hồng do chị H1 sử dụng để nhắn tin với H. Cơ quan điều tra tiến hành kiểm tra dữ liệu tin nhắn Messenger trên điện thoại phù hợp với nội dung nêu trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 45 ngày 21/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện K kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6S màu xám, dung lượng 32GB, máy cũ đã qua sử dụng giá trị 1.500.000 đồng; 01 điện thoại di động

nhãn hiệu iPhone 6 màu vàng, dung lượng 16GB, máy cũ đã qua sử dụng giá trị 1.200.000 đồng.

Quá trình điều tra, Nguyễn Đức H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung nêu trên và khai: H tự sử dụng Tài khoản ngân hàng Vietcombank 0551000318854 của chị Nguyễn Thị Ngọc L để thực hiện hành vi lừa đảo tiền của chị H1; H không bàn bạc với chị L và không ai xúi giục bị cáo. Sau khi sự việc bị phát hiện, H đã tác động gia đình bồi thường cho vợ chồng chị H1, anh H2 tổng số tiền 7.700.000 đồng (gồm 3.000.000 đồng là tiền H lừa của chị H1; 2.000.000 đồng là tiền H vay của anh H2; 2.700.000 đồng là giá trị của 02 chiếc điện thoại H mượn của anh H2 đã bán, cầm cố chưa thu hồi được).

Bị hại Đỗ Thị H1 khai phù hợp với nội dung nêu trên và khai: Chị là vợ anh Bùi Phú H2, khoảng 21 giờ ngày 29/8/2021 chị đang ở tầng 2 của gia đình thì nhận được tin nhắn Facebook “Bùi H2” của chồng chị bảo chị chuyển tiền cho khách nhắn tin vào ứng dụng Messenger Facebook “Đỗ H1” của chị, với nội dung “Em chuyển vào đây 1.000.000 đồng cho khách” đồng thời kèm theo số tài khoản nhận là 107872960901 Vietinbank mang tên Nguyễn Văn Đạt. Do anh H2 làm nghề sửa chữa, mua bán điện thoại tại tầng 1 của gia đình và thường xuyên nhắn tin bảo chị chuyển tiền cho khách hàng qua điện thoại của chị sử dụng. Vì vậy khi nhận được tin nhắn như trên, chị nghĩ là anh H2 nhắn cho chị nên chị đã sử dụng ứng dụng Banking VPbank 225275114 của chị thực hiện chuyển số tiền 1.000.000 đồng vào tài khoản mang tên Đạt. Tiếp sau đó chị nhận được tin nhắn từ tài khoản của anh H2 bảo chị chuyển 2.000.000 đồng vào số tài khoản 0551000318854 mang tên Nguyễn Thị Ngọc L. Do vẫn nghĩ là anh H2 nhắn nên chị tiếp tục sử dụng tài khoản của mình chuyển số tiền 2.000.000 đồng vào tài khoản mang tên L. Khoảng 21 giờ 30 cùng ngày, anh H2 lên tầng 2 nói với chị về việc tài khoản Facebook “Bùi H2” không đăng nhập được, thấy vậy chị hỏi anh H2 “anh vừa nhắn tin bảo em chuyển tiền cho khách mà”, anh H2 trả lời “bị hách Facebook thì chuyển tiền gì”. Lúc này chị biết, chị đã bị lừa nên ngày hôm sau anh H2 đến Công an xã T trình báo sự việc, làm rõ Nguyễn Đức H là người đã lừa chị để chiếm đoạt tổng số tiền 3.000.000 đồng, số tiền này thuộc quyền sở hữu chung của chị và anh H2. Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Đức Dũng là bố đẻ H đã đến gia đình chị xin lỗi và trả lại cho vợ chồng chị tổng số tiền 7.700.000 đồng (gồm 3.000.000 đồng là tiền H lừa đảo; 2.000.000 đồng là tiền H vay của anh H2; 2.700.000 đồng là giá trị của 02 chiếc điện thoại H mượn của anh H2). Nay chị không yêu cầu đề nghị gì thêm và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Phú H2 khai phù hợp với lời khai của chị Đỗ Thị H1 và phù hợp với nội dung nêu trên, ngoài ra anh khai: Sáng ngày 29/8/2021 Nguyễn Đức H mang điện thoại iPhone XS Max đến nhờ anh sửa tại tầng 1 của gia đình anh và mượn 02 chiếc điện thoại của anh. Anh xác định chiếc

điện thoại H nhờ anh sửa có giá trị lớn hơn 02 chiếc điện thoại anh cho H mượn, do đó anh để H được quyền định đoạt 02 chiếc điện thoại của anh trong khi anh vẫn đang quản lý chiếc điện thoại của H. Tuy nhiên khi anh cho H mượn điện thoại, anh sơ xuất chưa đăng xuất tài khoản Facebook “Bùi H2” của anh, khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày anh thấy tài khoản Facebook “Bùi H2” không đăng nhập được, anh nghĩ lỗi mạng cho đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, anh lên tầng 2 nói chuyện với chị H1 (vợ anh) thì phát hiện ra H đã có hành vi lừa đảo tiền của chị H1 như nội dung trên. Ngày hôm sau anh đến Công an xã T trình báo sự việc, quá trình giải quyết, bố đẻ bị cáo đã đến gia đình anh bồi thường thiệt hại đầy đủ như chị H1 đã khai. Nay anh không yêu cầu đề nghị gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Ngọc L khai: Chị là người yêu của Nguyễn Đức H nên sáng ngày 29/8/2021 chị nhờ H mang điện thoại iPhone XS Max của chị đi sửa màn hình đến chiều cùng ngày chị thấy H đưa cho chị 01 điện thoại iPhone 6 để sử dụng, vì điện thoại của chị đang gửi ở quán sửa chữa nhưng đến đêm thì H lấy lại điện thoại iPhone 6 để H sử dụng, khoảng 4 - 5 ngày sau chị không thấy H mang điện thoại về trả chị, sau đó chị mới biết H đã sử dụng Tài khoản ngân hàng Vietcombank 0551000318854 của chị để thực hiện hành vi lừa đảo tiền của chị H1. Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã trả lại cho chị chiếc điện thoại trên, chị không yêu cầu đề nghị gì.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Đỗ Thị H1 01 điện thoại iPhone 7 Plus màu hồng; trả lại cho chị Nguyễn Thị Ngọc L 01 điện thoại iPhone XS Max. Đối với 02 chiếc điện thoại do H mượn của anh H2, trong đó 01 chiếc H bán cho anh Nguyễn Quang Tuấn, anh Tuấn đã bán cho người không quen biết, 01 chiếc H cầm cố cho một người tên Đạt, không rõ nhân thân lai lịch, đến nay đều không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Nguyễn Đức H đã tác động gia đình bồi thường cho anh Bùi Phú H2, chị Đỗ Thị H1 tổng số tiền 7.700.000 đồng, trong đó 2.000.000 đồng là tiền H vay của anh H2; 3.000.000 đồng là tiền H lừa đảo, chiếm đoạt của vợ chồng anh H2; 2.700.000 đồng là trị giá 02 chiếc điện thoại iPhone 6S và iPhone 6, H mượn của anh H2. Anh H2, chị H1 không yêu cầu đề nghị gì khác và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho H.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung nêu trên và đồng ý với Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Ngoài ra bị cáo khai: Do hoàn cảnh bị cáo bị vợ bỏ nên buồn chán đi chơi Game, khi không còn tiền, bị cáo đã lừa chị H1 để chiếm đoạt 3.000.000 đồng. Nay bị cáo rất ân hận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng hình phạt nhẹ.

Bị hại Đỗ Thị H1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, trong đơn không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Phú H2, Nguyễn Thị Ngọc L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, trong đơn không yêu cầu đề nghị gì.

Bản cáo trạng số 05/CT-VKSKT, ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố Nguyễn Đức H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H từ 15 tháng đến 21 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo lao động tự do, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại đầy đủ cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Nay bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đặt ra trách nhiệm cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc kháng nghị về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; biên bản kiểm tra điện thoại, vật chứng thu giữ, nội dung bản cáo trạng cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án

đủ cơ sở kết luận: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 29/8/2021, tại xã T, huyện K; Nguyễn Đức H đã dùng thủ đoạn gian dối, mạo danh anh H2 nhắn tin cho chị Đỗ Thị H1 (là vợ anh H2) chuyển tiền, làm cho chị H1 tưởng thật đã chuyển cho H 3.000.000 đồng, có tiền H chi tiêu cá nhân hết. Do đó bị cáo Nguyễn Đức H đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự đúng như Viện kiểm sát đã truy tố và đề nghị tại phiên tòa.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội tại địa pH1. Cần phải áp dụng hình phạt nghiêm đối với bị cáo đồng thời để phòng ngừa tội phạm.

[4] Nhân thân bị cáo: Chưa có tiền án, tiền sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai; sau khi phạm tội đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[7] Sau khi xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo; Hội đồng xét xử thấy rằng: Tuy bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo bỏ trốn khỏi địa pH1, gây khó khăn cho công tác điều tra, đã bị Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an huyện K ban hành Quyết định truy nã. Như vậy cần thiết tiếp tục cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[8] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo làm nghề lao động tự do, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại đầy đủ cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Nay bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đặt ra trách nhiệm cho bị cáo. Ông Nguyễn Đức Dũng là bố đẻ bị cáo đã trực tiếp bỏ số tiền 7.700.000 đồng bồi thường cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng ông không yêu cầu bị cáo hoàn trả lại số tiền này nên không xem xét.

[10] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Đỗ Thị H1 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 7 Plus màu hồng; trả lại cho chị Nguyễn Thị Ngọc L 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone XS Max là những chủ sở hữu hợp pháp là đúng pháp luật. Đối với 02 chiếc điện thoại do bị cáo mượn của anh Bùi

Phú H2 đến nay không thu hồi được, tuy nhiên bố bị cáo đã trả đầy đủ giá trị 02 chiếc điện thoại này cho anh H2 và anh H2 không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Trong vụ án này, hành vi của bị cáo bán điện thoại iPhone 6S cho anh Nguyễn Quang Tuấn và cầm cố chiếc điện thoại iPhone 6 cho một người tên Đạt, không rõ nhân thân lai lịch. Cả hai điện thoại này của anh Bùi Phú H2, song trước đó anh H2 và bị cáo đã thống nhất bị cáo toàn quyền định đoạt 02 chiếc điện thoại này trong thời gian bị cáo mượn sử dụng, vì điện thoại iPhone XS Max, bị cáo để lại cho anh H2 có giá trị lớn hơn, mặt khác giá trị 02 chiếc điện thoại đã được Hội đồng định giá tài sản huyện K kết luận trị giá 2.700.000 đồng. Do đó, hành vi bán và cầm điện thoại của bị cáo đối với 02 chiếc điện thoại này không phạm tội nên Cơ quan điều tra không xử lý là đúng pháp luật.

[12] Tài khoản ngân hàng Vietcombank 0551000318854 là của chị Nguyễn Thị Ngọc L. Chị L để bị cáo sử dụng tài khoản và không biết bị cáo sử dụng tài khoản ngân hàng của mình để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp. Tài khoản ngân hàng Viettinbank 107872960901 mang tên Nguyễn Văn Đạt, Cơ quan điều tra chưa xác định được nhân thân lai lịch của người này nên tách ra điều tra, giải quyết sau là đúng pháp luật.

[13] Về án phí: Bị cáo không thuộc trường hợp được miễn án phí nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H: 18 (mười tám) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 18/11/2021.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSNDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Trại tạm giam Hải Phòng;
- Công an huyện K ;
- Chi cục THA dân sự + Sở tư pháp;
- PV 06; PC 10;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Diệu